

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 8383/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về Chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc;

Căn cứ Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc;

Căn cứ Văn bản số 1983/UBND-TC ngày 02/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc cho chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh, bổ sung công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc do Liên danh

Công ty TNHH Xây dựng An Vĩnh Phước và Công ty TNHH KT Thiên Kim lập, đã được Công ty TNHH TVXD DTT thẩm tra tại Văn bản số 12/KQTT-DTT ngày 05/07/2023 và được Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 87/PKT&HT-KQTD ngày 01/08/2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp tại Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 12/09/2023 và của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 591/TTr-PTCKH ngày 20/09/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng hạ tầng các điểm quy hoạch khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Hiệp. Vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc

2. Chủ đầu tư: UBND xã Phước Hiệp.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước.

4. Quy mô xây dựng điều chỉnh, bổ sung:

- Đường ĐS1 chiều dài gia cố mái taluy (L=43,14m), đường ĐS2 chiều dài gia cố mái taluy (L=118,74m) làm bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 15cm, bên dưới lót bạt nhựa. Mái taluy $m=0,75$, làm ỏ lọc thoát nước mái, dưới chân làm chân khay KT (Bxh)=(0,25 – 0,4) x 1,2m, làm bằng bê tông M200, đá 2x4.

- Đoạn kênh mương thoát nước đường ĐS2 chiều dài (L=150m), hình thức kênh mương thoát nước bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ mặt cắt hình chữ nhật, phân thành từng đoạn L=6m, khớp nối bao tải nhựa đường. Bản đáy và thành kênh mương dày 15cm, từng đoạn có bố trí thanh giằng ngang bằng BTCT M200 đá 1x2.

*** Phần đường dây 0,4kV khoảng cột C52 đến LM 2/7 thuộc XT 477/PSO:**

+ Điểm đầu: C52 TBA Giang Nam - XT 477/PSO.

+ Điểm cuối: LM 2/7 thuộc điểm quy hoạch vị trí 08: Trong hợp tác xã Phước Hiệp, thôn Giang Bắc.

- Quy mô xây dựng tuyến hạ thế xây dựng mới: Dài 497,4m.

- Cấp hạ thế: Sử dụng dây LV-ABC 4x95mm².

- Trụ BTLT: Trụ hiện có ngành điện.

- Móng cột: Trụ hiện có ngành điện.

- Nối đất cột: Trụ hiện có ngành điện.

- Xà: Cùm lắp PA, PS: PA-1C; PA-CT, PA-2NC; PA-2DC (cột ghép, cột đơn, cột thép). Xà sử dụng thép hình mạ kẽm nhúng nóng (bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$).

- Cách điện: Khóa đỡ cấp PS ABC 95 mm², khóa hãm dây PA 95mm², sứ ống chỉ.

- Đầu nối: bằng kẹp răng cách điện TTĐ -95mm².
- Lắp Aptômat 3P - 250A (01 lộ ra): 01 cái.
- Cáp điện đơn vỏ bọc CV-240 mm² (bổ sung đầu nối từ thanh cái xuống đầu trên ATM): 15 mét.

- Tủ điện hạ thế 0,4kV: 01 tủ.

*** Di dời đường dây 22kV khoảng cột C38 đến C40 thuộc XT 477/PSO:**

a. Đường dây 22kV:

a.1 Đường dây 22kV hiện trạng:

+ Điểm đầu: C38-XT477/PSO.

+ Điểm cuối: C40 – XT477/PSO.

- Khoảng cột bị ảnh hưởng: từ vị trí C38 – C40 – XT477/PSO.

- Cột: BTLT 12m: 03 cột (C38: 01 cột, C39: 01 cột), cột sắt 10m (C40: 01 cột).

- Cách điện: Cách điện đứng 24kV: 10 cái (C38: 03 cái, C39: 03 cái, C40: 04 cái). Cách điện treo Polymer: 06 cái (C40: 06 cái).

- Xà: Xà đỡ thẳng XĐT-1B: 02 bộ (C38: 01 bộ, C39: 01 bộ). Xà néo XNU-3: 01 bộ (C40: 01 bộ).

- Dây dẫn: Cáp nhôm nhôm tiết diện 185mm², chiều dài tuyến: 105m.

a.2 Đường dây 22kV làm mới:

- Di dời cột vị trí C39 – XT477/PSO.

- Điểm đầu: C38-XT477/PSO.

- Điểm cuối: C40 – XT477/PSO.

+ Khoảng cột C38 đến C40: Thay mới cáp nhôm bọc lõi thép AC-XLPE-185mm²-12,7/24kV, chiều dài tuyến Lt = 105m (Dây dẫn: Cáp nhôm bọc lõi thép tiết diện 185mm², chiều dài tuyến dự kiến: 42m (khoảng cột C39 (Di dời thay mới) →C39A (cột BT ghép 10m + CĐC)).

+ Thay mới cột hiện trạng từ vị trí C39 đến C40 và dựng mới 02 vị trí C39A, C39B. Sử dụng lại cột BTLT 10m (PC.I-10-190-5.0) của đường dây 0,4kV đã đầu tư xây dựng mới, lắp chụp đầu cột đôi rọ CĐC-2B cho 02 vị trí C39A, C39B.

- Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cấp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.

- Loại cột: Dùng loại cột BTLT (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất Cột BTLT14m (PC.I-14-190-13), tại vị trí góc, chịu lực lớn tại vị trí (C39 sau khi di dời).

- Nối đất cột: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta \geq 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Xà: Xà thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta \geq 80\mu\text{m}$), theo kết cấu 3 pha 24kV, khoảng cách pha-pha đảm bảo $\geq 700\text{mm}$.

- Cách điện: Sứ đứng gốm sứ và sứ treo bát thủy tinh cấp điện áp 22kV các thông số đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo qui định.

- Phụ kiện đấu nối: Dừng kẹp răng đấu nối và ống nối phù hợp tiết diện dây dẫn.

+ Dây dẫn: Cáp nhôm nhôm bọc lõi thép tiết diện 185mm^2 , chiều dài tuyến dự kiến: 42m (khoảng cột C39(di dời thay mới) \rightarrow C39A (cột BT ghép 10m + CDC).

a.3 Nội dung sử dụng lại:

- Cột BTLT 12m (vị trí: C38); Cột sắt 10m (vị trí: C40).

- Xà: XĐT-1B (vị trí C38: 01 bộ); Xà néo XNU-3C (vị trí C40: 01 bộ).

- Cách điện đứng 24kV: 07 cái (Vị trí: C38: 03 cái; C40: 04 cái).

- Cách điện treo 24kV: 06 cái (vị trí: C40).

- Dây dẫn: Cáp nhôm bọc tiết diện 185mm^2 , chiều dài tuyến dự kiến: 104m (khoảng cột C38 khoảng cột C39 (di dời thay mới) và C39A (cột BT ghép 10m + CDC) \rightarrow C39B(cột BT ghép 10m + CDC) \rightarrow C40).

a.4 Nội dung thu hồi:

- Cột BTLT 12m: 01 cột (vị trí: C39).

- Cách điện đứng 24kV: 03 cái (Vị trí: C39).

- Xà: Xà đỡ thẳng XĐT-1B: 01 bộ (Vị trí: C39).

5. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung:

DVT: 1.000 VNĐ

T T	Nội dung	Đã phê duyệt theo QĐ số 9668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Giá trị bổ sung	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung
1	CP xây dựng	4.021.720	+791.602	4.813.322
3	CP QLDA	116.670	+22.964	139.634
4	CP TVĐTXD	244.880	+73.617	318.497
5	CP khác	128.482	+40.369	168.851
6	CP dự phòng	212.052	+27.857	239.909
	Tổng cộng	4.723.804	+956.409	5.680.213

(Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm tám mươi triệu hai trăm mười ba nghìn đồng)

6. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

7. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí xây dựng công trình. Giao Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HS (8);
- Lưu VT.K₃. T15.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam